TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI -TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Độ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Vượng và bà Đoàn Thị Oanh

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hà Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-7-2022 và thông báo mở lại phiên tòa số: 21/TB-TA ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H- Sinh năm 198x. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 06, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt T– Sinh năm 198x. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường NC, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Hà trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Việt T đăng ký kết hôn ngày 08-3-2018 tại UBND phường Nam Cường, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T sử dụng chất ma túy, không chịu làm ăn, chăm lo cho gia đình lại hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi, xúc phạm nhau, bản thân chị và gia đình đã khuyên giải anh T nhiều lần, nhưng anh T không thay đổi, không quan tâm đến gia đình, vợ con, không từ bỏ ma túy. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về nuôi con: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 19-8-201x. Hiện nay cháu Đức A đang sống cùng chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến thể hiện trong hồ sơ.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Việt T trình bày: Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống đến tháng 2 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chơi bời, sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng anh không nghiện, quá trình sống vợ chồng cũng có bất đồng quan điểm, nên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải, anh đã thay đổi và không sử dụng ma túy nữa. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con: Anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 19-8-2018. Hiện nay cháu Đức A đang sống cùng chị H, anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"; bị đơn anh Nguyễn Việt T có nơi cư trú tại: Tổ dân phố N, phường NC, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Việt T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Cường, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 08-3-2018 là hôn nhân hợp pháp. Chị H, anh T đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T sử dụng chất ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, chị H, anh T đều xác định vợ chồng đã sống ly thân, chị H không còn quan tâm đến anh T nữa và xác định tình cảm vợ chồng đã hết chị yêu cầu được ly hôn.

Tại phiên tòa anh T xác định tình cảm vẫn còn và không đồng ý ly hôn với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có thông báo hòa giải, tống đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Việt T.

[3] Vê nuôi con: Chị H và anh T có một con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 19-8-201x. Hiện nay cháu đang ở với chị H. Anh, chị đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Xét thấy, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh chị là chính đáng, tuy nhiên cháu Đức A đang ở ổn định cùng chị H, cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của mẹ nhiều hơn. Anh T thường xuyên đi làm xa, không có thời gian chăm sóc cháu nhiều. Do đó, cần giao cháu Đức A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân**:** Chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Việt T.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 19-8-2018 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Anh Nguyễn Việt T không phải cấp

dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0000261 ngày 27-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, (chị H đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Việt T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Yên Bái;
- VKSND tp.Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. Nam Cường, tp Yên Bái;
- Lưu HS; TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Độ